

Bản án số: **07/2022/DS-ST**

Ngày: 18/01/2022

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hữu Nam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Thanh Tuấn**

Ông **Mai Ngọc Dũng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Ngọc Tú** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa:
Bà **Hoàng Thị Hoài Phương** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2021/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021, Thông báo hoãn phiên tòa số 632/TB-TA ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 644//TB-TA ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng D.

Trụ sở: Tòa nhà Capital Tower, số, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **P.H.T** - Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đ.C.H1** - Giám đốc Ngân hàng D - Chi nhánh T, theo Giấy ủy quyền số 09/2017/UQ-TGD ngày 16/02/2017. Ủy quyền lại cho: Ông **Đ.T.L** - Phó Giám đốc, ông **T.X.H2** - Trưởng phòng Kinh doanh, ông **N.H.H3** - Nhân viên kinh doanh. Trụ sở: Tầng 1, Tòa nhà CT2 Vimeco, phường T, quận

C, thành phố Hà Nội, theo Giấy ủy quyền số 13/2021/UQ-TLO ngày 27/4/2021.
- Có mặt ông H2, ông H3.

2. Bị đơn:

2.1. Anh **N.V.H**, sinh năm 1977. - *Vắng mặt*.

2.2. Chị **N.T.M**, sinh năm 1981. - *Vắng mặt*.

Cùng nơi ĐKKH thường trú: Phòng ..., Nhà, ngõ ..., phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn là **Ngân hàng D** trình bày:

Ngày 17/9/2010, Ngân hàng TMCP D (nay đổi thành Ngân hàng D) - Chi nhánh T và vợ chồng anh N.V.H, chị N.T.M đã ký Hợp đồng tín dụng số 0336/HĐTC-GPBTLG/10 với nội dung như sau: Số tiền vay: 1.440.000.000 đồng. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô Audi Q5 2.0T QUATTRO, BKS 30V-xxxx, màu xanh đen, sản xuất năm 2009 tại Đức, xe đã qua sử dụng. Thời gian vay: 42 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên ghi trong phần nhận nợ. Tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô con Audi Q5, số chỗ ngồi: 05, màu sơn: Xanh đen, năm sản xuất: 2009, số máy: CDN028162, số khung: WAUZZZ8R09A031726, BKS: 30V-1032, đăng ký xe ô tô số 039920 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2010. Tài sản được thế chấp bảo đảm cho khoản vay tại GPBank Thăng Long theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng số công chứng 02869.10; quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/09/2010 được lập bởi Văn phòng Công chứng Vạn Xuân, TP Hà Nội. Tài sản đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 07/3/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hà Nội.

Ngày 17/9/2010, anh H, chị M nhận nợ tiền vay của GPBank theo Khế ước nhận nợ số 0336/HĐTD-GPBTLG/10, cụ thể: Số tiền nhận nợ: 1.440.000.000 đồng. Thời gian vay: 42 tháng kể từ ngày 17/9/2010. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 01 tháng/01 lần (vào ngày 10 hàng tháng), kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 10/10/2010. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 16,7%/năm. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ + biên độ 5,5%/năm. Hình thức trả nợ: Trả lãi: Tiền lãi được trả vào 15 hàng tháng, ngày trả nợ đầu tiên ngày 15/10/2010. Trả

gốc: Nợ gốc trả hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 34.400.000 VNĐ; số tiền nợ gốc còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả gốc đầu tiên vào 15/10/2010.

Kể từ thời điểm vay vốn đến nay, anh H, chị M đã thanh toán được cho GPBank tổng số tiền là 940.951.711 đồng. Trong đó: Nợ gốc quá hạn: 587.948.165 đồng. Nợ lãi trong hạn: 282.365.339 đồng. Nợ lãi quá hạn: 70.638.207 đồng. Khoản vay quá hạn gốc, lãi kể từ ngày 15/12/2011. GPBank đã nhiều lần làm việc và yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, khách hàng có đưa ra phương án trả nợ nhưng đều không khả thi và không thực hiện được. Khách hàng có dấu hiệu chây ỳ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Ngân hàng D yêu cầu Tòa án:

- Buộc anh H, chị M phải thanh toán ngay cho Ngân hàng D tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 18/6/2021 theo Hợp đồng tín dụng số 0336/HĐTC-GPBTLG/10 ngày 17/9/2010, khế ước nhận nợ và các văn bản/phụ lục sửa đổi/bổ sung kèm theo là 3.364.592.825 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 852.051.835 đồng, tiền lãi trong hạn là 195.712.521 đồng, tiền lãi quá hạn là 2.316.828.469 đồng.

- Buộc anh H, chị M thanh toán tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trên kể từ ngày 19/6/2021 cho đến khi trả hết nợ.

- Trong trường hợp anh H, chị M không thanh toán ngay toàn bộ khoản nợ trên, Ngân hàng D có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm cho khoản vay để thu hồi nợ. Tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con Audi Q5, số chỗ ngồi: 05, màu sơn: Xanh đen, năm sản xuất: 2009, số máy: CDN028162, số khung: WAUZZZ8R09A031726, BKS: 30V-xxxx, Đăng ký xe ô tô số 039920 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2010.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng D.

Bị đơn là anh **N.V.H**, chị **N.T.M** đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo mở lại

phiên tòa, Giấy triệu tập phiên tòa để biết những vấn đề cụ thể mà Ngân hàng D yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời được triệu tập đến Tòa án để thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Tuy nhiên, anh H, chị M không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để làm bản tự khai, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng, không cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ, không chứng minh để tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình, không đưa ra yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Do anh H, chị M không thực hiện nghĩa vụ của đương sự, nên phải chịu hậu quả do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ mà Ngân hàng đã giao nộp và Tòa án đã thu thập theo quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Ngân hàng D rút yêu cầu đòi anh H, chị M trả số tiền phạt chậm trả lãi chưa thu được là 483.141.636 đồng; yêu cầu anh H, chị M phải thanh toán số tiền tính đến ngày 18/01/2022 là 3.017.290.509 đồng, gồm nợ gốc là 852.051.835 đồng, tiền lãi trong hạn là 195.712.521 đồng, tiền lãi quá hạn 1.969.526.153 đồng và các khoản tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 19/01/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, giữ nguyên yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm và tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đòi tiền phạt chậm trả lãi; chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số nợ gốc là 852.051.835 đồng và tiền lãi trong hạn, quá hạn theo lãi suất điều chỉnh tính đến ngày xét xử; chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để trừ vào khoản nợ của bị đơn Về án phí: Đề nghị Tòa án xác định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng D khởi kiện vụ án dân sự về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng đối với anh N.V.H, chị N.T.M, đăng ký hộ khẩu thường trú tại Phòng ..., Nhà ..., ngõ, phố Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội, theo đúng địa chỉ ghi trong hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[2] Về việc xét xử trong trường hợp đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, anh N.V.H, chị N.T.M là bị đơn không có yêu cầu phản tố, vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H, chị M.

[3] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng tín dụng:

[3.1] Ngày 17/9/2010, Ngân hàng TMCP D (nay đổi tên thành Ngân hàng D) - Chi nhánh T và vợ chồng anh N.V.H, chị N.T.M đã ký Hợp đồng tín dụng trả góp mua xe ô tô số 0336/HĐTC-GPBT LG/10 với nội dung như sau: Số tiền cho vay: 1.440.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 42 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho vay: Áp dụng lãi suất thả nổi định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 10/10/2010. Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 16,7%/năm và được duy trì đến ngày điều chỉnh lãi suất gần nhất. Lãi suất cho vay các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ của GPBank Thăng Long + biên độ 5,5%/năm. Lãi suất cho vay được tính trên cơ sở tháng 30 ngày (năm 360 ngày). Trên cơ sở tình hình huy động vốn thực tế, những thay đổi của Nhà nước hoặc sự thay đổi bất thường của nền kinh tế, bên cho vay được toàn quyền quyết định điều chỉnh lãi suất cho vay và thông báo cho bên vay trước khi điều chỉnh. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển quá hạn. Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô Audi Q5 2.0T QUATTRO, BKS 30V-xxxx, màu xanh đen, sản xuất năm 2009 tại Đức, xe đã qua sử dụng. Phương thức vay: Theo món. Kế hoạch rút vốn: Một lần. Hình thức giải ngân: Chuyển khoản cho bên bán xe. Kế hoạch trả nợ lãi: Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 15/10/2010. Tiền lãi hàng tháng được tính theo công thức: Dư nợ thực tế x Số ngày tính lãi x Lãi suất/360. Kế hoạch trả nợ gốc: Nợ gốc trả hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 34.400.000 đồng, số

tiền nợ gốc còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/10/2010. Khi đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi hàng tháng, mà bên vay không trả nợ đúng hạn và không được chấp thuận cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thì toàn bộ dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu lãi quá hạn. Nếu bên vay chậm trả nợ lãi, thì phải trả thêm khoản Phạt chậm trả = Số tiền chậm trả x Số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay /360. Tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô Audi Q5 2.0T QUATTRO, BKS 30V-xxxx, màu xanh đen, sản xuất năm 2009 tại Đức, xe đã qua sử dụng, số khung: WAUZZZ8R09A031726, số máy: CDN028162, đăng ký xe ô tô số 039920 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/09/2010. Chi tiết về tài sản bảo đảm, quyền và nghĩa vụ của các bên được xác định theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 02869.10/HĐTC-GPBTLG/10 ngày 17/9/2010. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ, thu hồi và xử lý nợ, thông báo thay đổi trong thời gian vay vốn, cam kết sử dụng vốn, nghĩa vụ chịu các chi phí có liên quan. Hợp đồng có giá trị kể từ ngày ký cho đến khi bên vay trả hết nợ gốc, lãi và các chi phí có liên quan.

[3.2] Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/02/2005 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thì “Đối với khoản nợ vay không trả nợ đúng hạn ... việc phạt chậm trả đối với nợ quá hạn và nợ lãi vốn vay do hai bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật”. Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 422 Bộ luật Dân sự 2005, “Phạt vi phạm là sự thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng, theo đó bên vi phạm nghĩa vụ phải nộp một khoản tiền cho bên bị vi phạm. Mức phạt vi phạm do các bên thỏa thuận”. Xét thỏa thuận giữa hai bên tại khoản 4.3 Điều 4 của Hợp đồng tín dụng về việc “Nếu bên vay chậm trả nợ lãi, thì phải trả thêm khoản Phạt chậm trả = Số tiền chậm trả x Số ngày chậm trả x 150% lãi suất vay /360” là không phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký hợp đồng, nên không làm phát sinh quyền của Ngân hàng được yêu cầu bên vay phải trả lãi chậm trả tiền lãi. Chỉ từ ngày 15/3/2017, Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng có hiệu lực thi hành, tại điểm b khoản 4 Điều 13 mới quy định trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả, “thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá

10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, thì đối với hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017, ngoài nợ gốc, bên vay chỉ phải trả 02 loại tiền lãi là lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả. Vì vậy, nếu Ngân hàng đã thu tiền lãi chậm trả lãi, thì Tòa án sẽ không chấp nhận và trừ vào các loại phí liên quan đến khoản vay, lãi quá hạn, lãi trong hạn, nợ gốc quá hạn, nợ gốc trong hạn theo thỏa thuận tại khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng.

[3.3] Các thỏa thuận khác tại Hợp đồng tín dụng nêu trên có nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 49, 50, 51, 52, 53 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004), do các bên tự nguyện ký kết, nên có hiệu lực và các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết.

[4] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Ngày 19/7/2010, Ngân hàng TMCP D (nay đổi tên thành Ngân hàng D) - Chi nhánh T đã cho vợ chồng anh N.V.H, chị N.T.M vay số tiền 1.440.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 0336/HĐTD-GPBTLG/10, giải ngân bằng chuyển khoản cho bên bán xe là bà N.T.T.L theo Ủy nhiệm chi cùng ngày của anh H. Nợ gốc trả hàng tháng vào ngày 15, mỗi tháng trả 34.400.000 đồng, số tiền nợ gốc còn lại trả vào tháng cuối cùng, ngày trả nợ gốc đầu tiên là 15/10/2010. Thực hiện hợp đồng, từ ngày 19/8/2010 đến ngày 14/5/2012, anh H, chị M đã trả được 17 kỳ nợ gốc và một phần nợ gốc của kỳ thứ 18 với số tiền là: $34.400.000 \text{ đồng/kỳ} \times 17 \text{ kỳ} + 3.148.165 \text{ đồng} = 587.948.165 \text{ đồng}$. Lần cuối cùng anh H, chị M trả nợ gốc là ngày 26/9/2017. Ngân hàng đã có nhiều lần làm việc yêu cầu anh H, chị M trả nợ, lần cuối cùng vào ngày 07/9/2019. Nay Ngân hàng D yêu cầu anh H, chị M trả số nợ gốc là 1.440.000.000 đồng - 587.948.165 đồng = 852.051.835 đồng, Tòa án đã kiểm tra các chứng từ cho vay, thu nợ, xác định số nợ gốc chưa trả là đúng. Anh H, chị M không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng. Do đó, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng D, buộc anh H, chị M phải trả số nợ gốc tính đến ngày 18/01/2022 là 852.051.835 đồng.

[5] Về yêu cầu đòi tiền lãi: Theo Khế ước nhận nợ số 0336/HĐTD-GPBTLG/10 ngày 19/7/2010, số tiền gốc là 1.440.000.000 đồng. Lãi suất cho vay là 16,7%/năm, áp dụng lãi suất thả nổi, định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần vào ngày 10 hàng tháng, kỳ điều chỉnh đầu tiên vào ngày 10/10/2010. Lãi suất cho vay các

kỳ tiếp theo bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi cuối kỳ của GPBank Thăng Long + biên độ 5,5%/năm. Lãi trả vào ngày 15 hàng tháng, ngày trả lãi đầu tiên là ngày 15/10/2010. Tiền lãi hàng tháng được tính theo công thức: $\text{Dư nợ thực tế} \times \text{Số ngày tính lãi} \times \text{Lãi suất}/360$. Căn cứ các quyết định ban hành biểu lãi suất cho vay, Bảng tính lãi, Sao kê tài khoản chi tiết của anh H, Tòa án xác định việc tính số tiền lãi phải trả, đã trả, chưa trả của anh H, chị M như sau:

[5.1] Số tiền lãi trong hạn phải trả là 478.077.860 đồng, anh H, chị M đã trả 282.365.339 đồng, chưa trả 195.712.521 đồng.

[5.2] Số tiền phạt chậm trả lãi: Anh H, chị M vi phạm nghĩa vụ trả tiền lãi trong hạn từ ngày 15/10/2010 và có 48 lần chậm trả tiền lãi trong hạn, tổng số tiền phạt chậm trả lãi phát sinh là 508.121.947 đồng, Ngân hàng đã thu được 24.980.311 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng tự nguyện rút yêu cầu đòi anh H, chị M trả số tiền phạt chậm trả lãi chưa thu được là 483.141.636 đồng. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút và Ngân hàng không phải chịu án phí. Nếu có tranh chấp, thì Ngân hàng có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền phạt chậm trả lãi đã thu là 24.980.311 đồng, do thỏa thuận này không phù hợp với quy định của pháp luật như nhận định tại mục [3.2] ở trên, nên không được Tòa án chấp nhận và sẽ trừ vào số tiền lãi quá hạn chưa trả.

[5.3] Số tiền lãi quá hạn: Anh H, chị M đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc từ ngày 15/10/2010. Ngân hàng tính số tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/10/2010 đến ngày 18/01/2022 là 2.040.164.360 đồng theo lãi suất cố định từ thời điểm quá hạn và đã thu được số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 27/10/2010 đến ngày 27/9/2012 là 45.657.896 đồng, trừ 24.980.311 đồng tiền phạt chậm trả lãi đã thu, Ngân hàng yêu cầu anh H, chị M trả 1.969.526.153 đồng. Do hợp đồng tín dụng đã ký thuộc loại lãi suất cho vay thả nổi định kỳ điều chỉnh 01 tháng/lần, nên việc Ngân hàng áp dụng lãi suất cố định là không đúng thỏa thuận và không được chấp nhận. Tòa án kiểm tra, xác định số tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 15/10/2010 đến ngày 18/01/2022 theo lãi suất cho vay điều chỉnh hàng tháng là 1.451.217.524 đồng, trừ số tiền lãi quá hạn đã thu là 45.657.896 đồng và trừ số tiền phạt chậm trả lãi đã thu là 24.980.311 đồng, anh H, chị M chưa trả 1.380.579.317 đồng.

[5.4] Mặc dù anh H, chị M không giao nộp tài liệu, chứng cứ phản đối yêu cầu của Ngân hàng D, nhưng căn cứ vào hợp đồng tín dụng đã ký và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận một phần yêu cầu của

Ngân hàng D, buộc anh H, chị M phải trả số tiền lãi tính đến ngày 18/01/2022 gồm tiền lãi trong hạn là 195.712.521 đồng, tiền lãi quá hạn là 1.380.579.317 đồng. Số tiền lãi quá hạn không được chấp nhận là 1.969.526.153 đồng - 1.380.579.317 đồng = 588.946.836 đồng.

[6] Về nội dung và hiệu lực của hợp đồng thế chấp tài sản:

Ngày 17/9/2010, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP D (nay đổi tên thành Ngân hàng D) - Chi nhánh T và bên thế chấp là vợ chồng anh N.V.H, chị N.T.M đã ký Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng số công chứng 02869.10 quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD gồm những nội dung chủ yếu sau: Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô con và toàn bộ quyền hưởng thụ hợp đồng bảo hiểm giá trị vật chất toàn bộ của xe nhãn hiệu Audi Q5 2.0T Quattro, màu xanh đen, BKS: 30V-xxxx, sản xuất năm 2009 tại Đức, số khung: WAUZZZ8R09A031726, số máy: CDN028162, Đăng ký xe ô tô số 039920 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2010 đứng tên anh H. Hai bên thống nhất định giá tài sản thế chấp trị giá 2.400.000.000 đồng. Nghĩa vụ được bảo đảm là số tiền 1.440.000.000 đồng mà Ngân hàng cho anh H, chị M vay trong thời hạn 42 tháng, cùng với tiền lãi và các chi phí khác (nếu có) tính từ ngày anh H, chị M nhận được khoản vay đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng thế chấp. Thời hạn thế chấp tài sản kể từ ngày ký hợp đồng đến khi anh H, chị M trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Nếu hết thời hạn thế chấp, mà anh H, chị M không trả đủ cả gốc và lãi, thì Ngân hàng có quyền phát mại tài sản theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Số tiền bán tài sản thu hồi được, sau khi trừ đi các khoản nợ mà anh H, chị M phải trả và các chi phí cho việc phát mại, nếu còn dư thì anh H, chị M được Ngân hàng trả lại, nếu còn thiếu thì Ngân hàng được quyền ghi tiếp số tiền còn thiếu là khoản nợ mà anh H, chị M phải tiếp tục trả. Cùng ngày 17/9/2010, các bên đã nộp Đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội và được cơ quan đăng ký chứng nhận việc đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/9/2010. Xét hợp đồng thế chấp nêu trên tuân thủ quy định tại các Điều 342, 343, 344, 346, 348, 349, 350, 351, 355, 357 của Bộ luật Dân sự 2005, do các bên tự nguyện ký kết, được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2000/NĐ-CP ngày 10/3/2000 của Chính phủ, nên hợp đồng có hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với người thứ ba kể từ thời điểm đăng ký thế chấp.

[7] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

[7.1] Theo cung cấp của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới 2903V, Cục Đăng kiểm Việt Nam, xe ô tô con nhãn hiệu: AUDI Q5, số máy: CDN028162, số khung: WAUZZZ8R09A-031726, biển đăng ký: 30V-xxxx nhập khẩu tháng 12/2009, chỉ làm thủ tục kiểm định một lần vào ngày 05/01/2010, đứng tên chủ xe là N.T.T.L (từ trước khi chuyển nhượng cho anh H). Tòa án đã yêu cầu anh H, chị M đưa ô tô đến trụ sở Tòa án để tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ, nhưng anh H, chị M không chấp hành, nên không xem xét, thẩm định tại chỗ được.

[7.2] Theo Giấy xác nhận ngày 17/9/2010 của Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội - Chi nhánh Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm vật chất xe ô tô với số tiền bảo hiểm đến 2.400.000.000 đồng chỉ có hiệu lực từ ngày 17/9/2010 đến ngày 17/9/2011. Từ đó đến nay, không có thông tin về việc anh H, chị M mua bảo hiểm cho ô tô nêu trên, nên Ngân hàng D không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7.3] Nay Ngân hàng D yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm. Xét thấy xe ô tô nêu trên bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của anh H, chị M theo Hợp đồng tín dụng trả góp mua xe ô tô số 0336/ HĐTC-GPBT LG/10 ngày 17/9/2010 và Khế ước nhận nợ số 0336/HĐTD-GPBT LG/10 ngày 17/9/2010. Căn cứ vào Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, trường hợp anh H, chị M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi khoản nợ. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản, khoản nợ, nếu còn thừa thì trả cho anh H, chị M, nếu thiếu thì anh H, chị M có nghĩa vụ trả nốt.

[8] Về án phí:

[8.1] Ngân hàng D không được chấp nhận đối với yêu cầu đòi anh H, chị M trả số tiền lãi quá hạn là 588.946.836 đồng, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ngân hàng phải phải chịu 27.557.873 đồng án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào 49.268.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, được nhận lại 21.710.127 đồng.

[8.2] Anh H, chị M phải trả Ngân hàng D tổng số tiền là 2.428.343.673 đồng, nên căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, anh H, chị M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 80.566.873 đồng.

[9] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ngân hàng D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, nên căn cứ vào Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, được Tòa án ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 49, 50, 51, 52, 53 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 20/2004/QH11 ngày 15/6/2004); Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào các Điều 342, 343, 344, 346, 348, 349, 350, 351, 355, 357 của Bộ luật Dân sự 2005; các Điều 299, 323 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, điểm c khoản 1 Điều 217, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 2 Điều 244, các Điều 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Ngân hàng D về việc đòi anh N.V.H, chị N.T.M trả số tiền phạt chậm trả lãi tính đến ngày 18/01/2022 là 483.141.636 đồng. Nếu có tranh chấp, thì Ngân hàng D có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng D về việc đòi anh N.V.H, chị N.T.M trả số tiền phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trả góp mua xe ô tô số 0336/HĐTC-GPBTGL/10 ngày 17/9/2010 và Khế ước nhận nợ số 0336/HĐTD-GPBTGL/10 ngày 17/9/2010. Buộc anh N.V.H, chị N.T.M phải trả Ngân hàng D tổng số tiền tính đến ngày 18/01/2022 là 2.428.343.673 đồng (Hai tỷ, bốn trăm hai mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, sáu trăm bảy mươi ba đồng), gồm:

- Nợ gốc là 852.051.835 đồng (Tám trăm năm mươi hai triệu, không trăm năm mươi một nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng);

- Tiền lãi trong hạn là 195.712.521 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm mười hai nghìn, năm trăm hai mươi một đồng);

- Tiền lãi quá hạn là 1.380.579.317 đồng (Một tỷ, ba trăm tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi chín nghìn, ba trăm mười bảy đồng).

2.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng D. Trường hợp anh N.V.H, chị N.T.M không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng D có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm là: Xe ô tô con nhãn hiệu Audi Q5 2.0T Quattro, màu xanh đen, BKS: 30V-xxxx, sản xuất năm 2009 tại Đức, số khung: WAUZZZ8R09A031726, số máy: CDN028162, Đăng ký xe ô tô số 039920 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 16/9/2010 đứng tên anh N.V.H, đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản để vay vốn ngân hàng số công chứng 02869.10 quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/9/2010, đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/9/2010 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội.

2.4. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm, sau khi thanh toán chi phí xử lý tài sản và khoản nợ nêu trên, nếu còn thừa thì trả cho anh N.V.H, chị N.T.M, nếu thiếu thì anh N.V.H, chị N.T.M phải tiếp tục trả cho Ngân hàng D đến khi hết nợ

2.5. Về án phí:

2.5.1. Ngân hàng D phải chịu 27.557.873 đồng (Hai mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi bảy nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 49.268.000 đồng (Bốn mươi chín triệu, hai trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011579 ngày 17/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, được nhận lại 21.710.127 đồng (Hai mươi một triệu, bảy trăm mười nghìn, một trăm hai mươi bảy đồng).

2.5.2. Anh N.V.H, chị N.T.M phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 80.566.873 đồng (Tám mươi triệu, năm trăm sáu mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi ba đồng).

2.6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ghi nhận Ngân hàng D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

2.7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.8. Ngân hàng D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N.V.H, chị N.T.M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Hữu Nam